

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA**  
(Từ ngày 16 đến 20/10/2026)

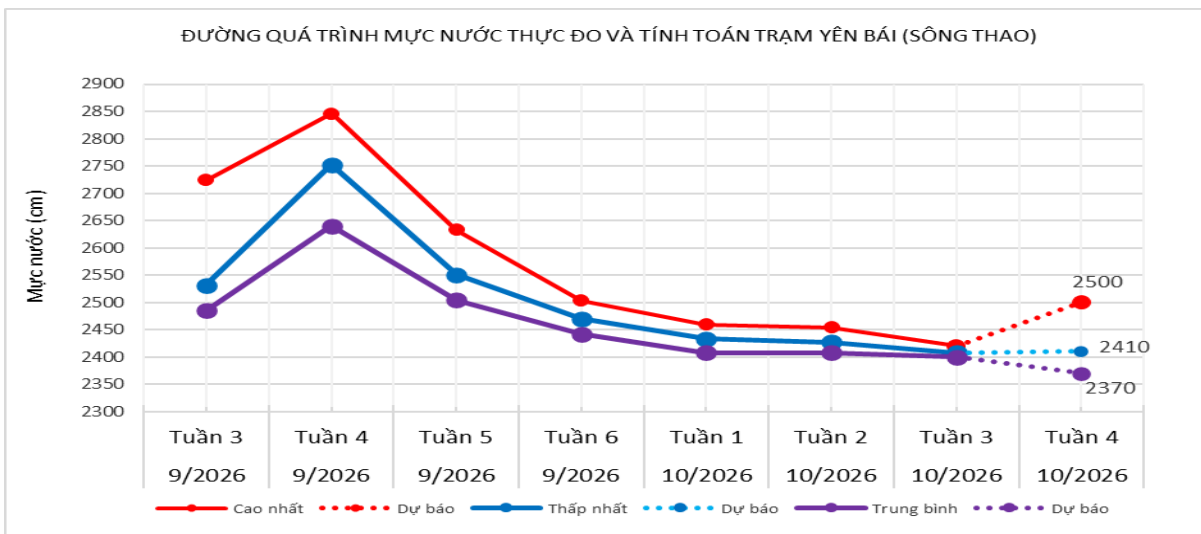
**1. Lưu vực sông Hồng**

**a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

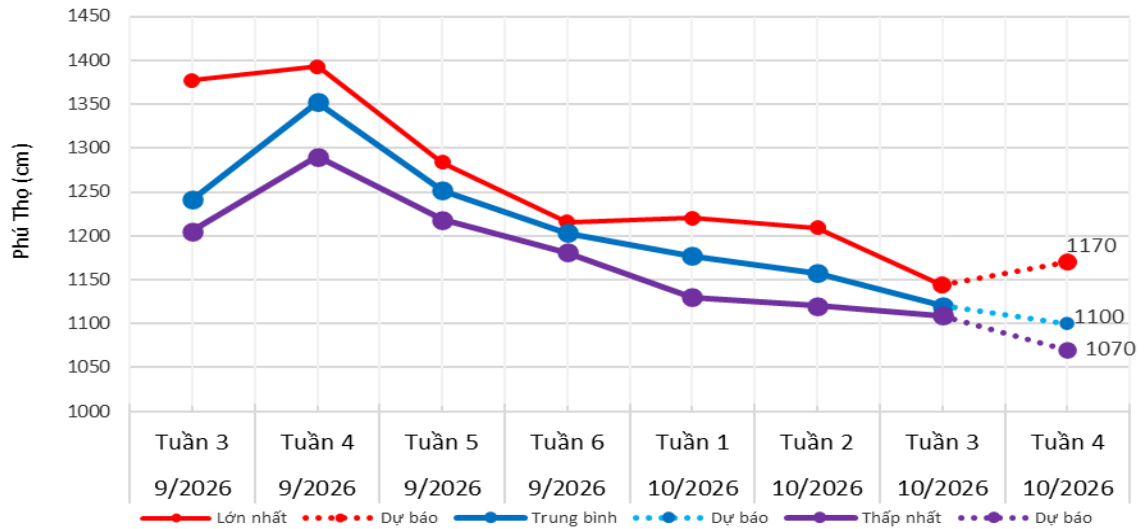
- Sông Thao: Trong 5 ngày qua, trên sông Thao mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ biến đổi chậm.
- Sông Lô: Mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang dao động theo điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động ở mức thấp theo thủy triều và ảnh hưởng điều tiết thủy điện tuyến trên.

**b. Dự báo, cảnh báo**

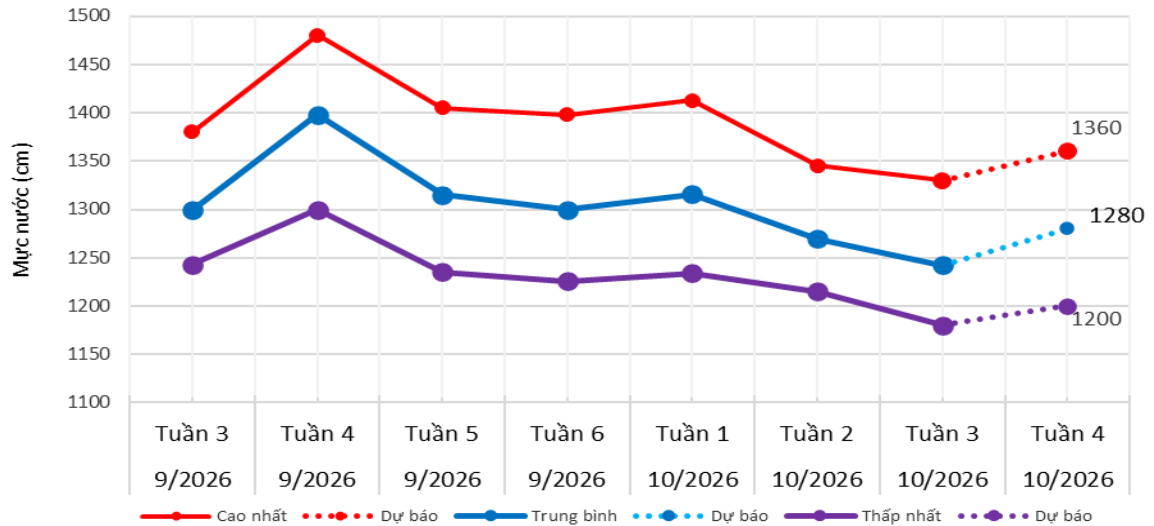
- Sông Thao: Trong 5 ngày tới, trên sông Thao mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ tiếp tục biến đổi chậm.
- Sông Lô: Mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang sẽ tiếp tục dao động theo ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục dao động theo ảnh hưởng điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.



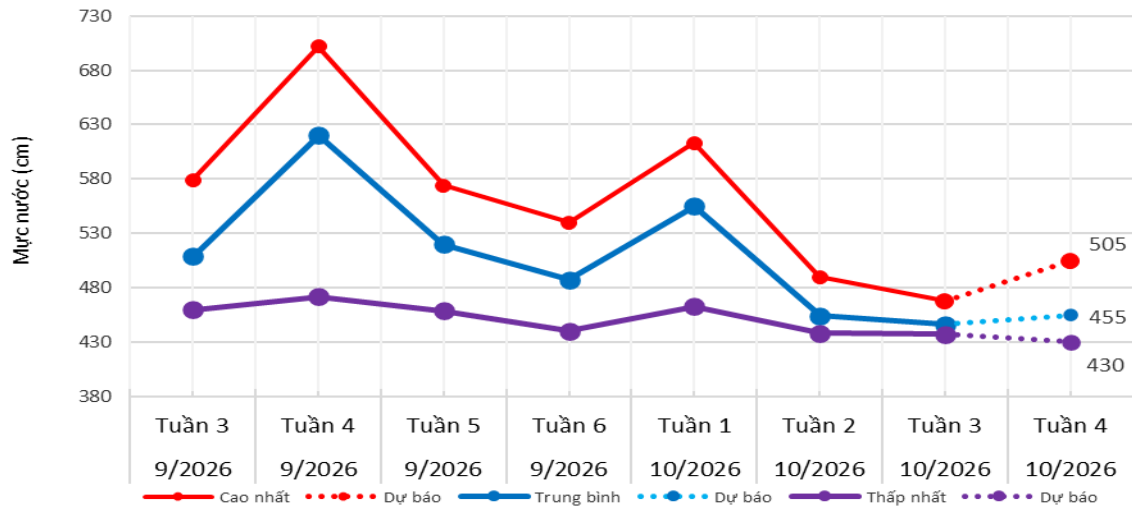
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)

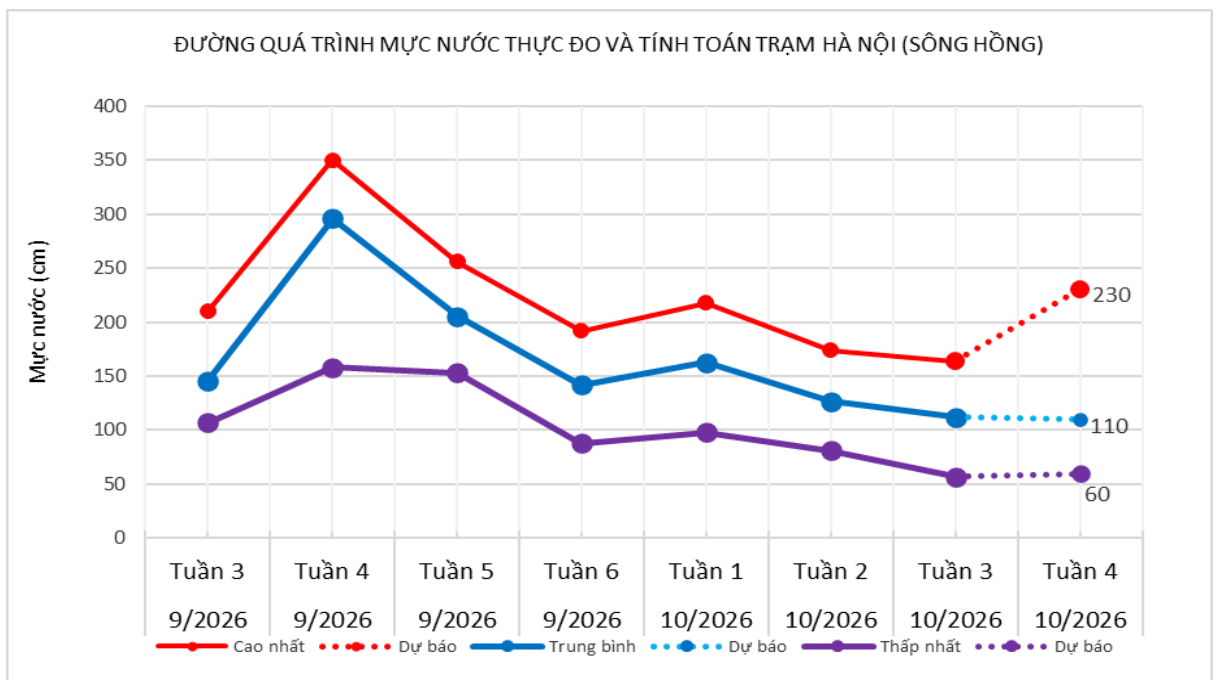
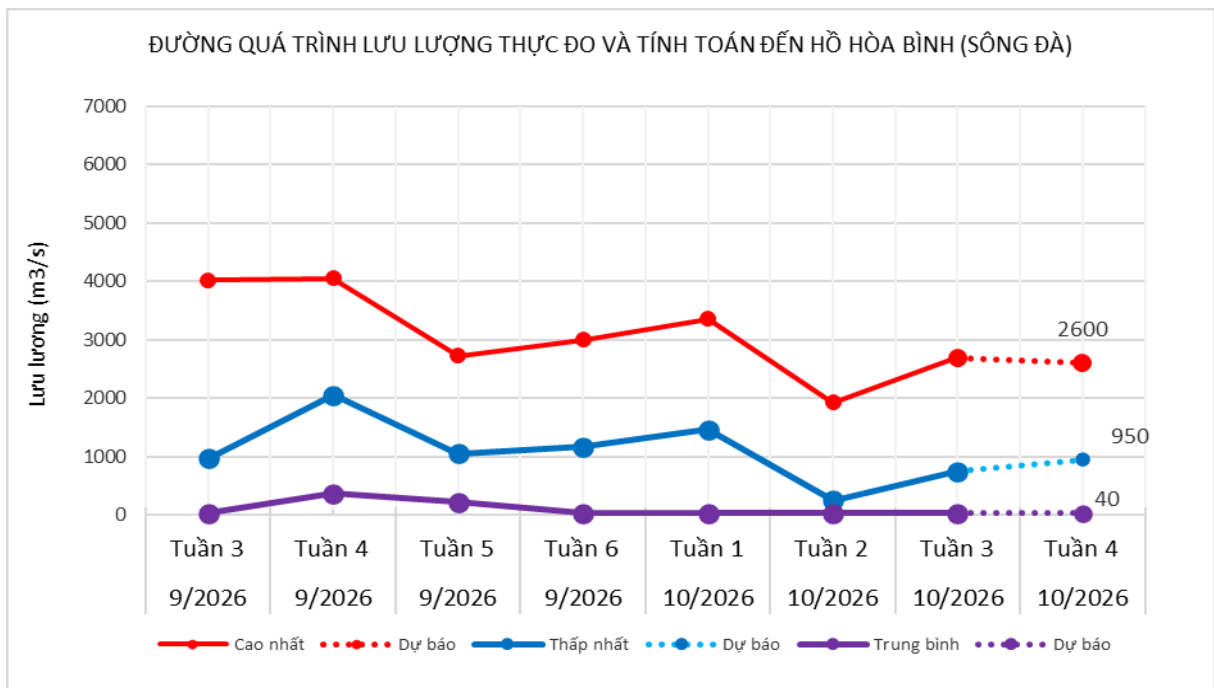


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYẾN QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỤ QUANG (SÔNG LÔ)





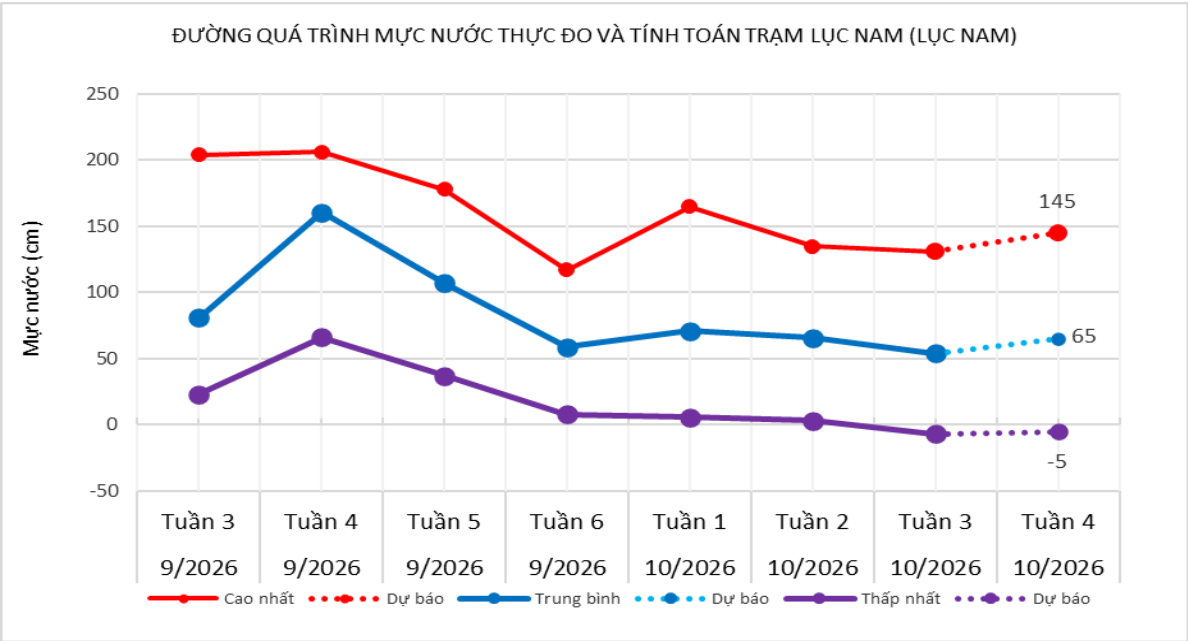
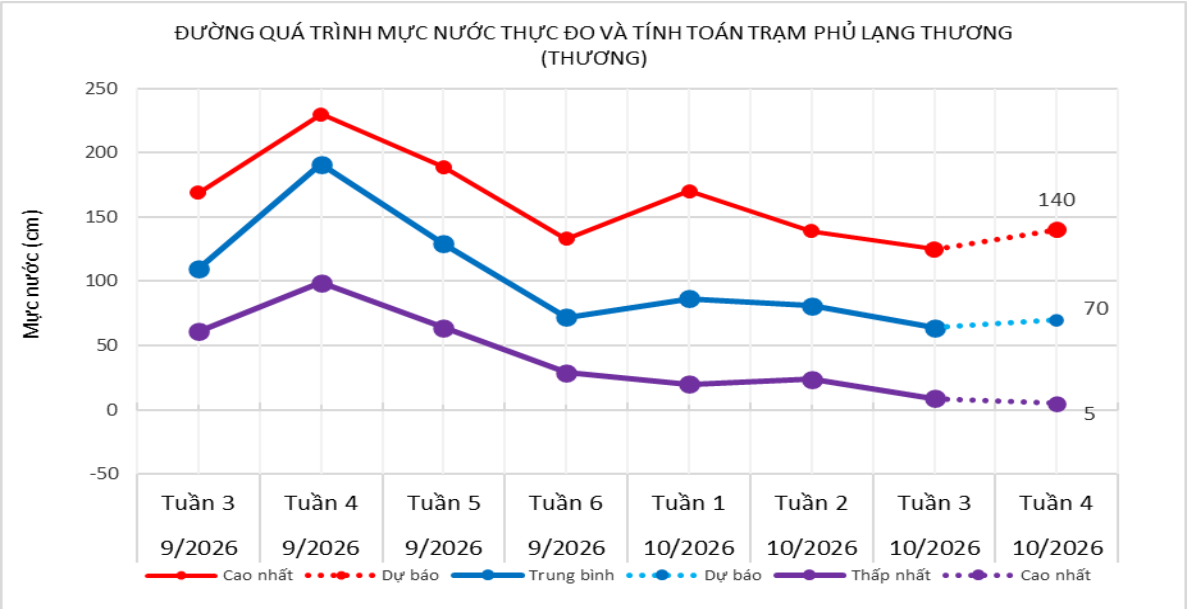
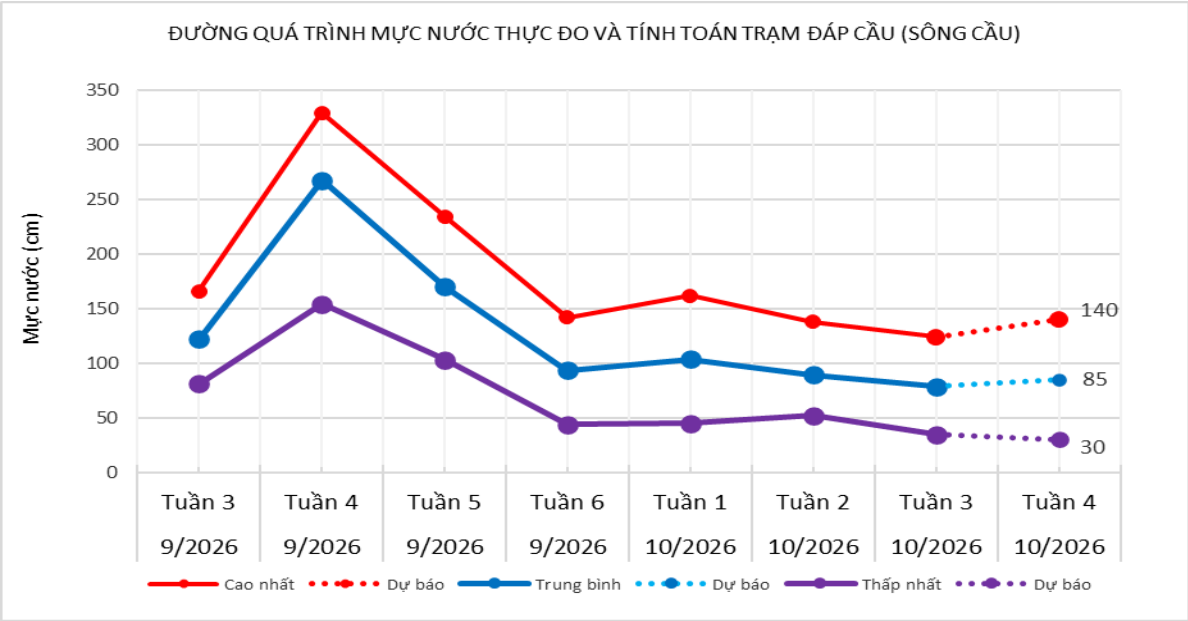
## 2. Lưu vực sông Thái Bình

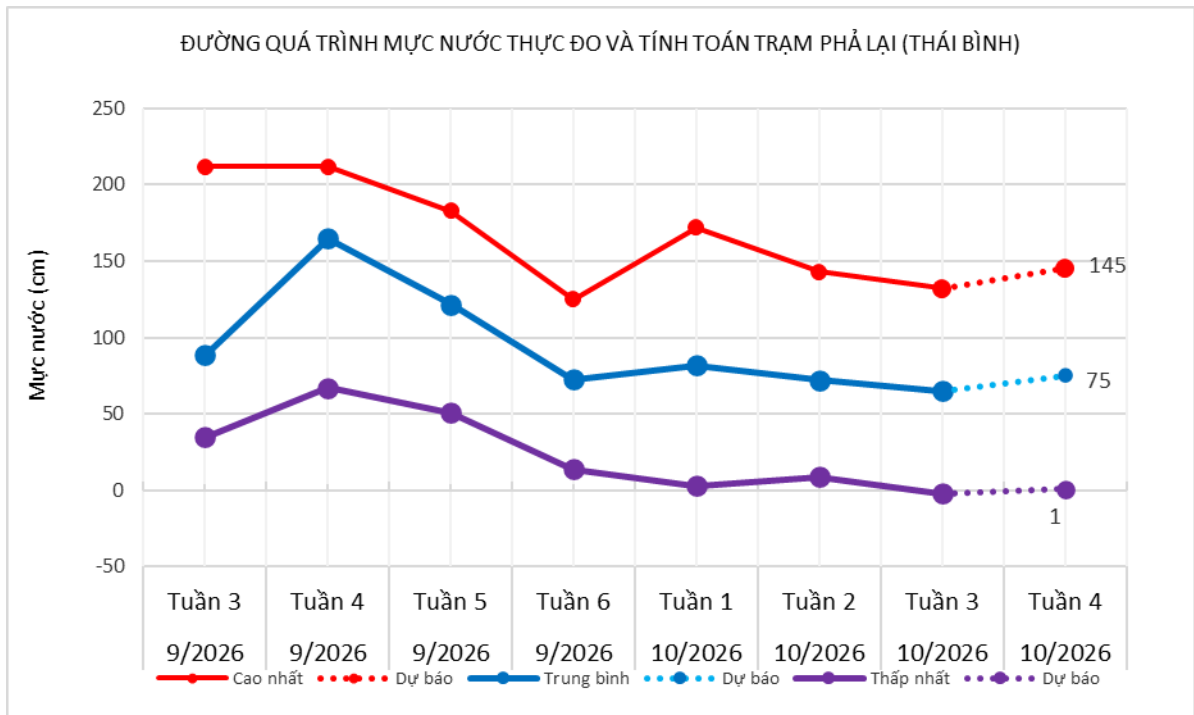
### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 05 ngày qua, mực nước trên các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình biến đổi chậm. Mực nước tại các trạm chính ở hạ lưu sông Cầu, Thương, Lục Nam và sông Thái Bình đang dao động theo thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Trong 05 ngày tới, mực nước các trạm ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình biến đổi chậm, mực nước các trạm chính hạ lưu sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam và sông Thái Bình tiếp tục dao động theo thủy triều.





### 3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong 5 ngày qua, mực nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố xuống dần; mực nước thượng lưu các sông khác có dao động, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.

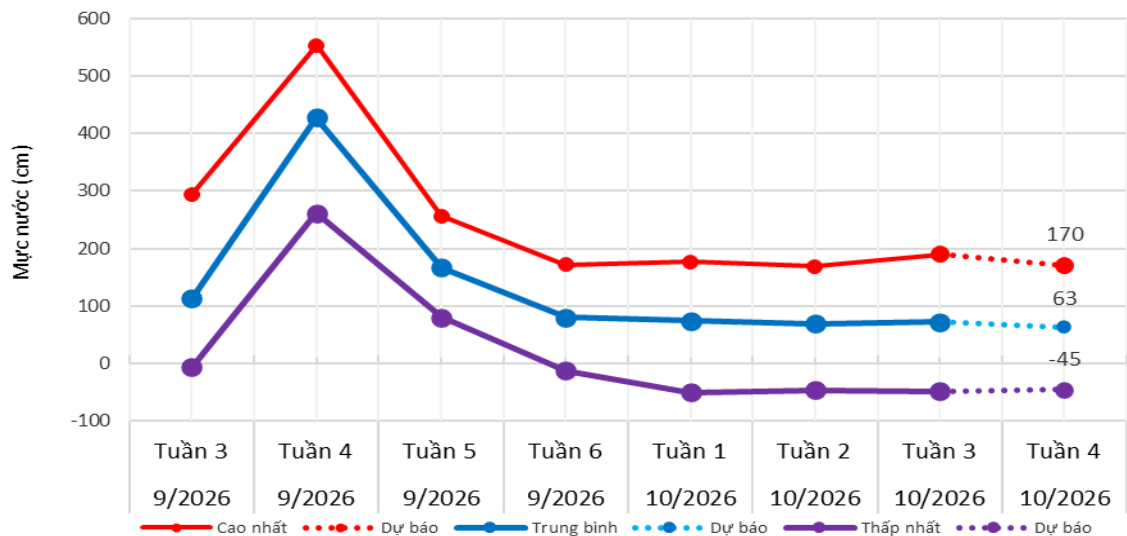
- Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, trên sông Kiến Giang (Quảng Trị) xuất hiện 01 đợt lũ, đỉnh lũ ở mức BĐ1-BĐ2; mực nước các sông khác có dao động.

#### b. Dự báo, cảnh báo

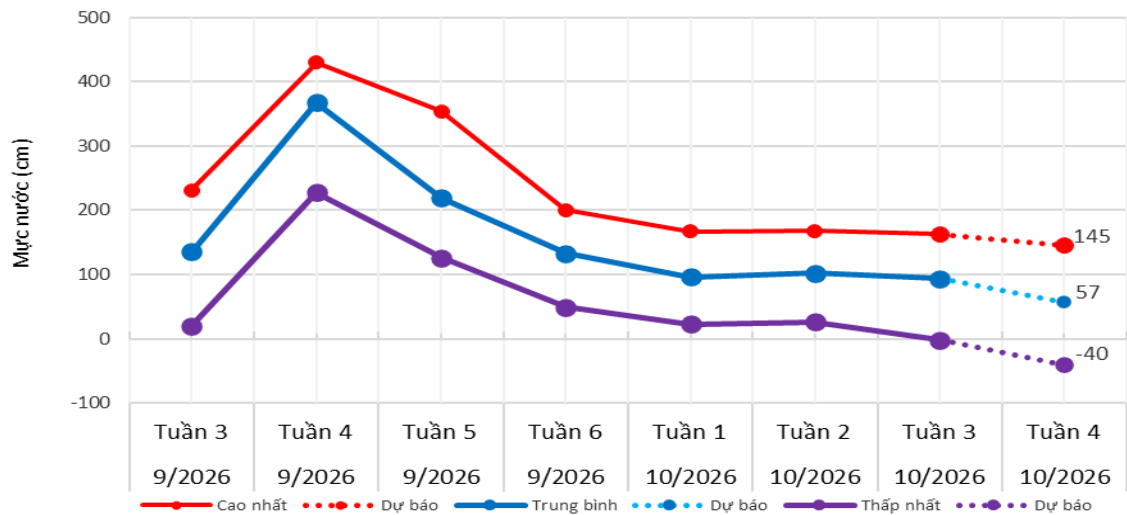
- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong 5 ngày tới, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.

- Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần tới, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, hạ lưu các sông dao động theo triều.

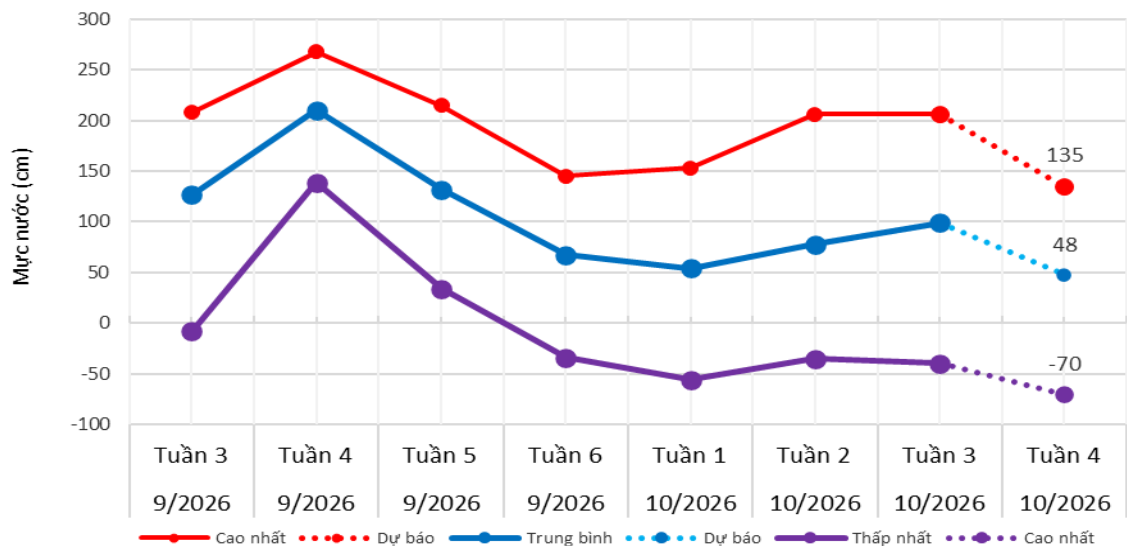
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIÀNG (SÔNG MÃ)

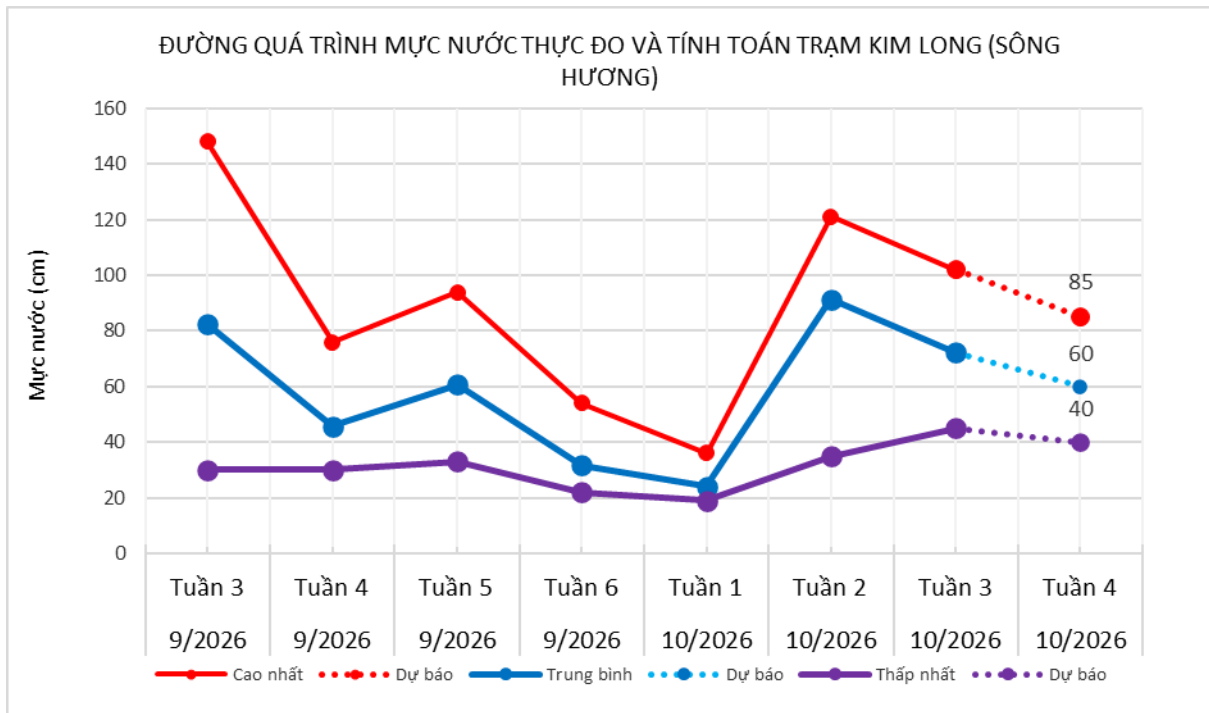
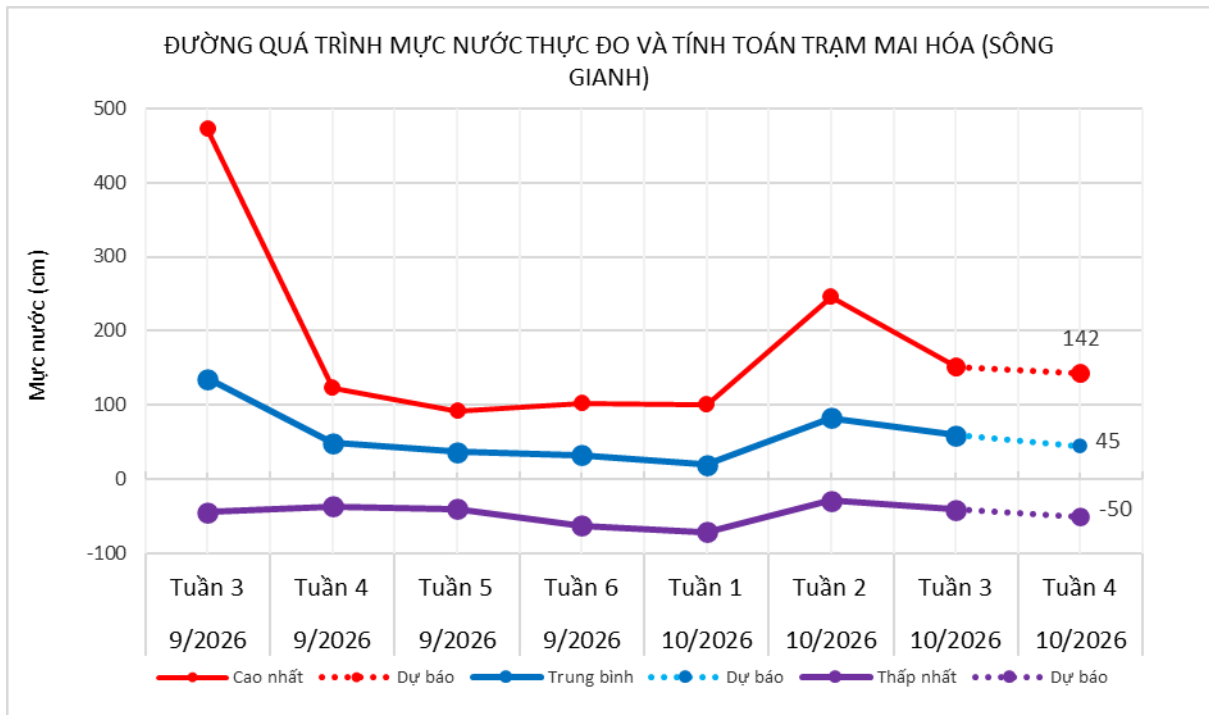


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM NAM ĐÀN (SÔNG CẢ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)





#### 4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

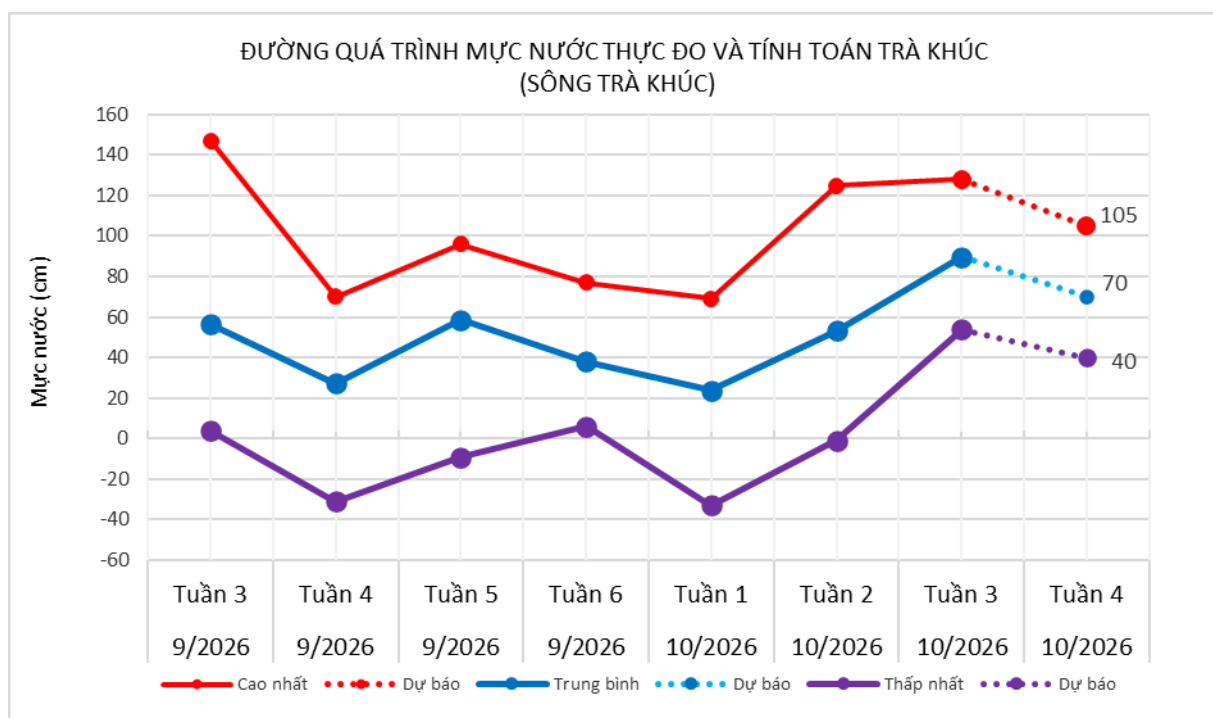
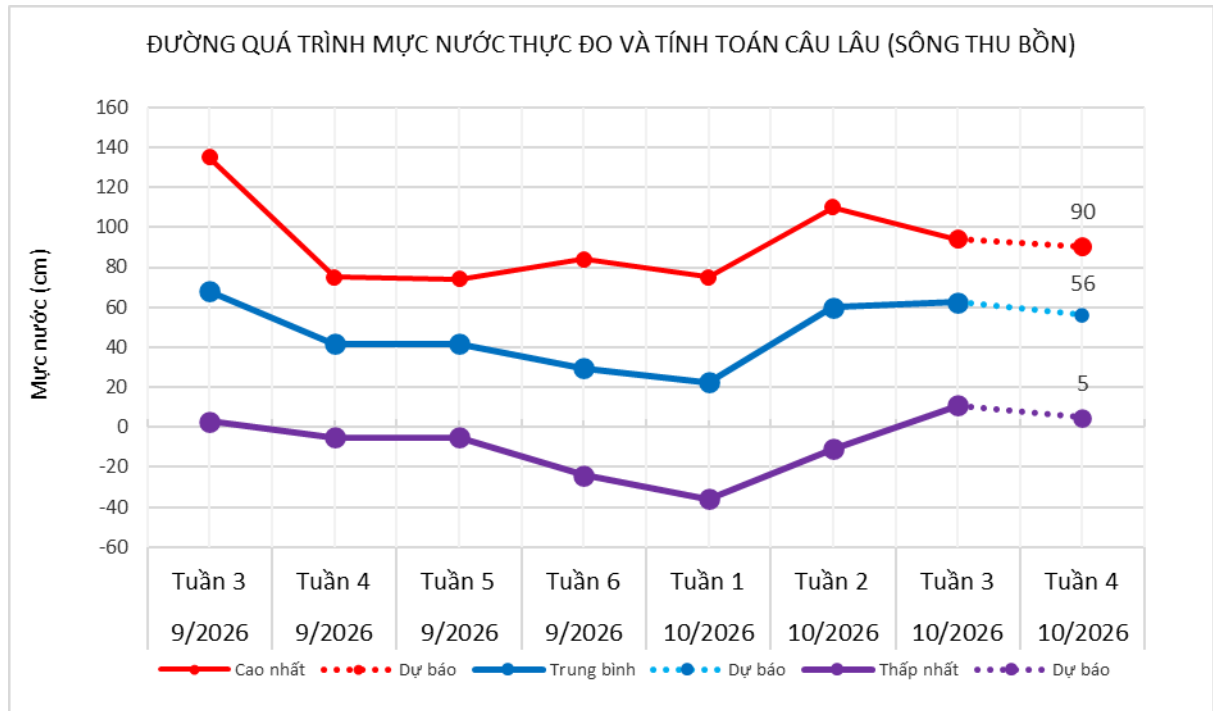
##### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

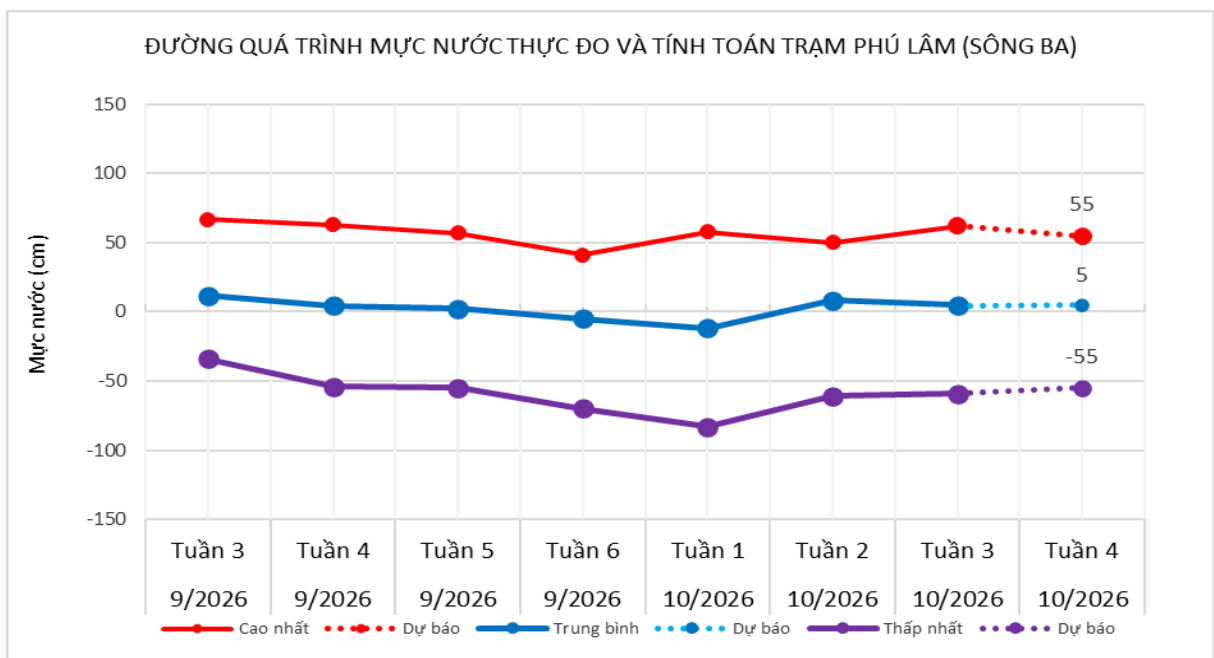
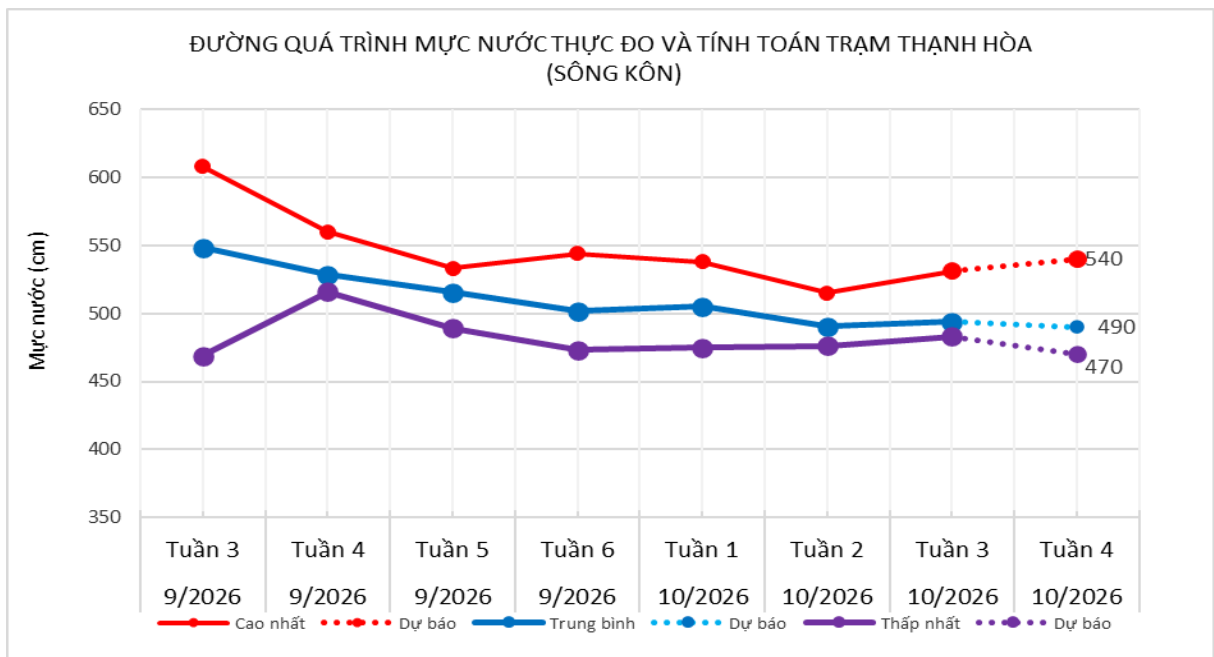
- Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, mực nước trên các sông có dao động.
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Mực nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

### ***b. Dự báo, cảnh báo***

- Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần tới, mực nước trung thượng lưu các sông dao động theo vận hành hồ chứa thủy điện, hạ lưu dao động theo triều.

- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm và có khả năng xuất hiện dao động. Mực nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi. Mực nước hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.





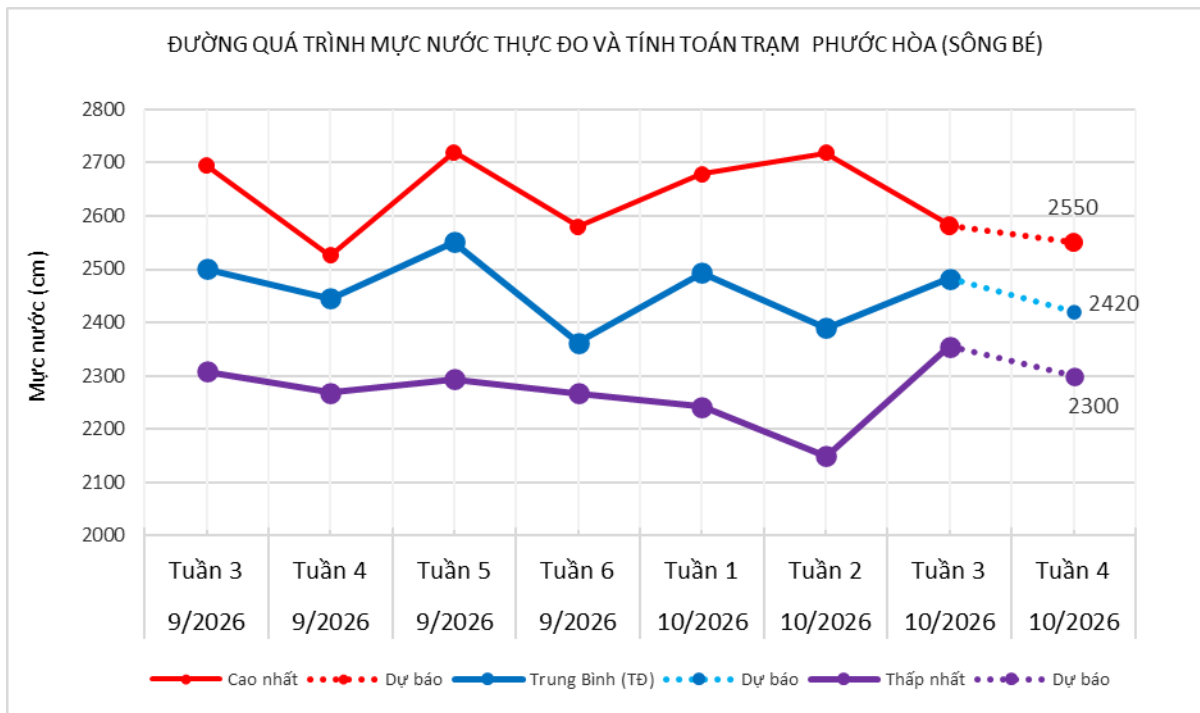
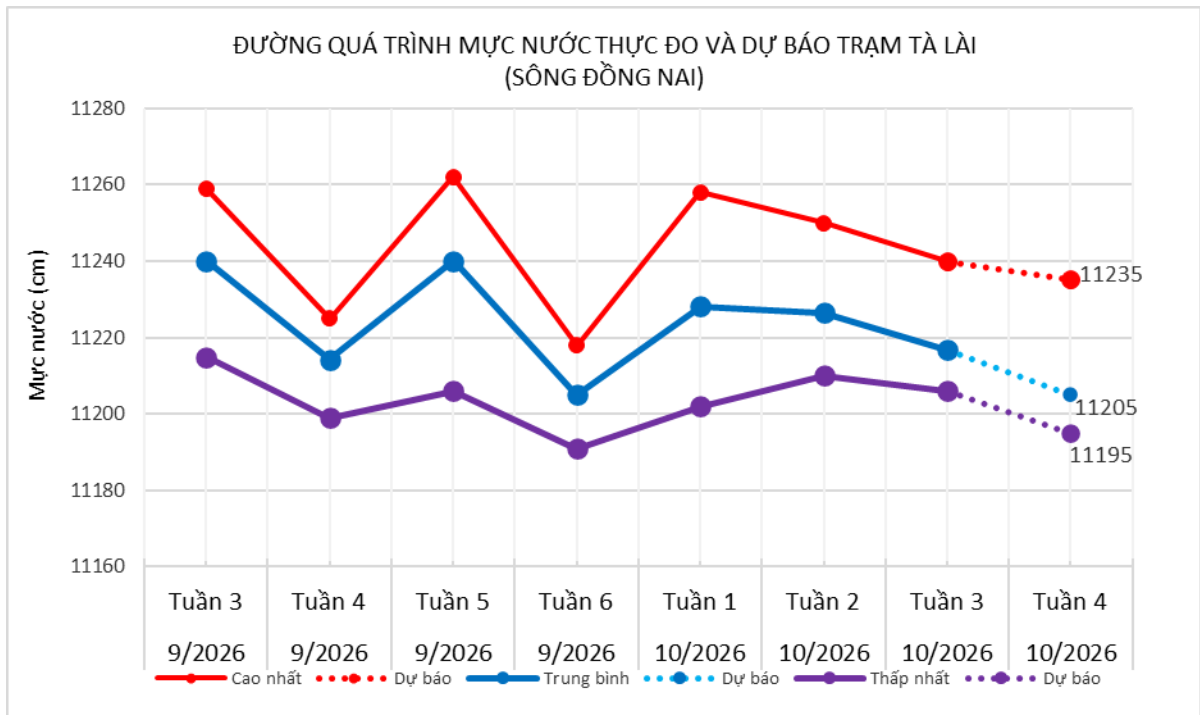
## 5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 05 ngày qua, mực nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài dao động ở mức báo động(BĐ)1-BĐ2. Mực nước trên sông Bé tại trạm Phước Hoà dao động theo điều tiết hồ chứa thủy điện.

### b. Dự báo, cảnh báo

Trong 05 ngày tiếp theo, trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài sẽ dao động trên mức BĐ1; trên sông Bé tại trạm Phước Hoà sẽ dao động theo điều tiết thủy điện thượng lưu.



## 6. Lưu vực sông Mê Công

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

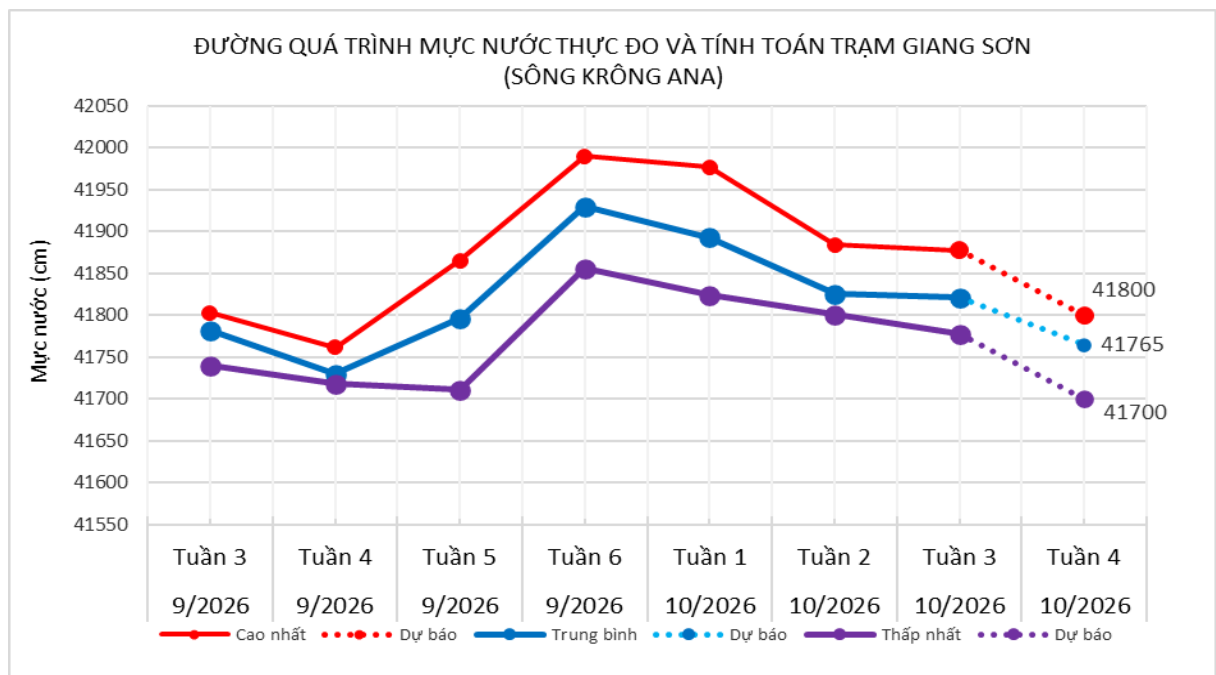
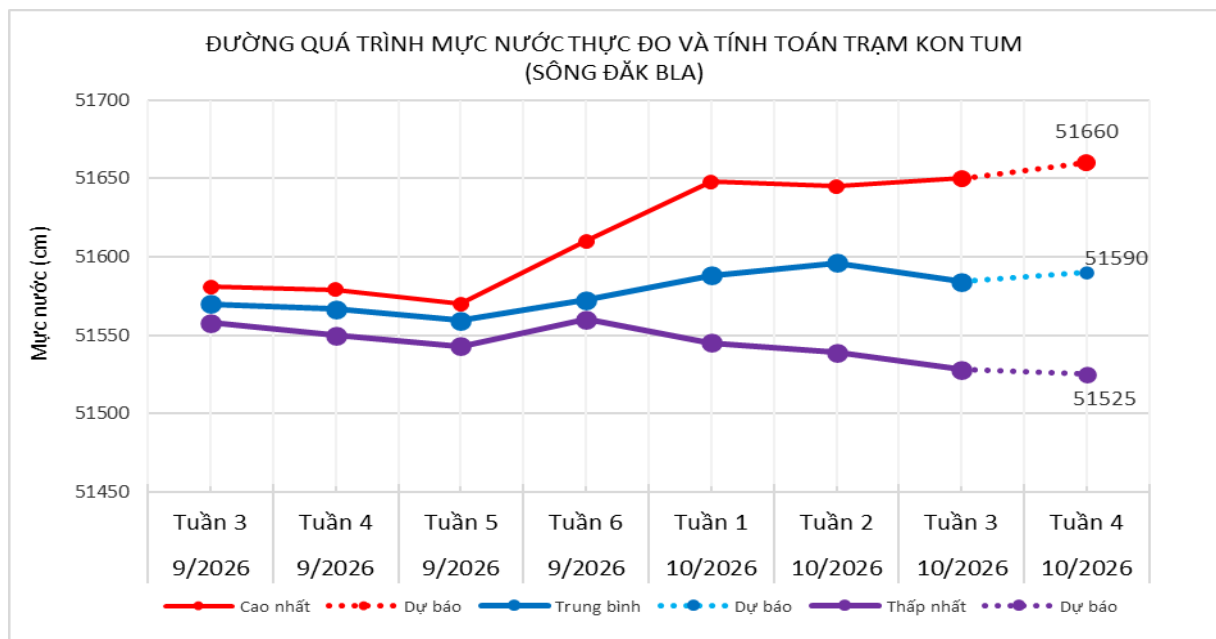
- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Trong 5 ngày qua, mực nước trên các sông phổ biến dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện; mực nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm theo xu thế xuống dần.

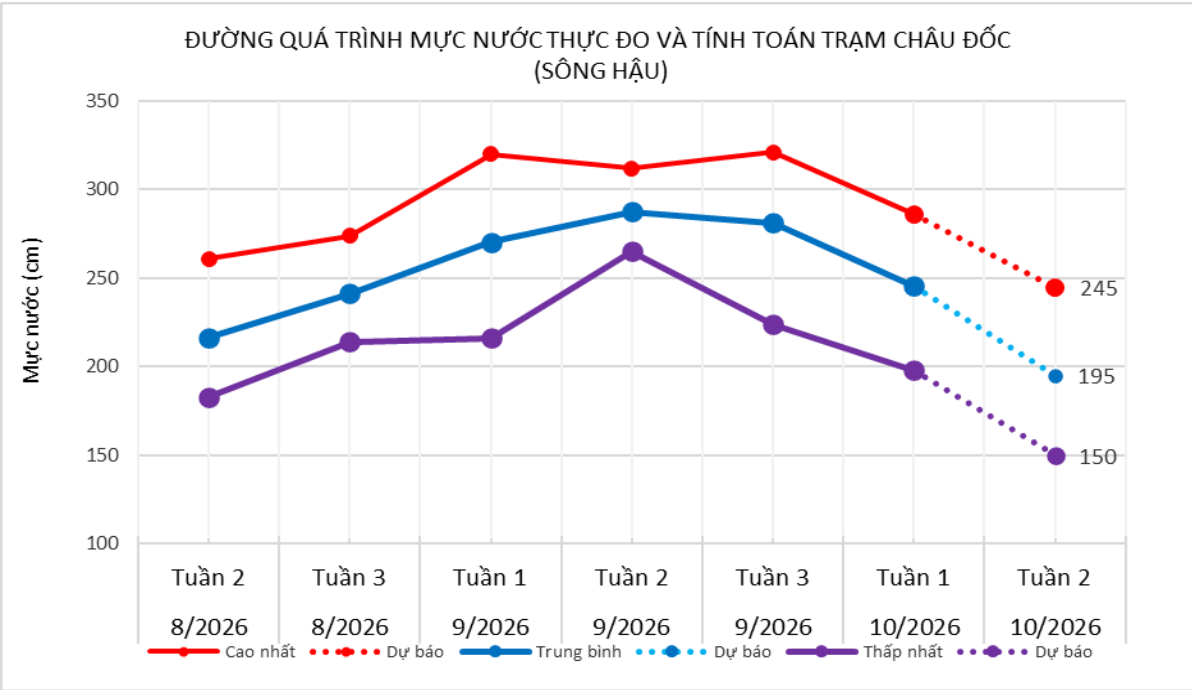
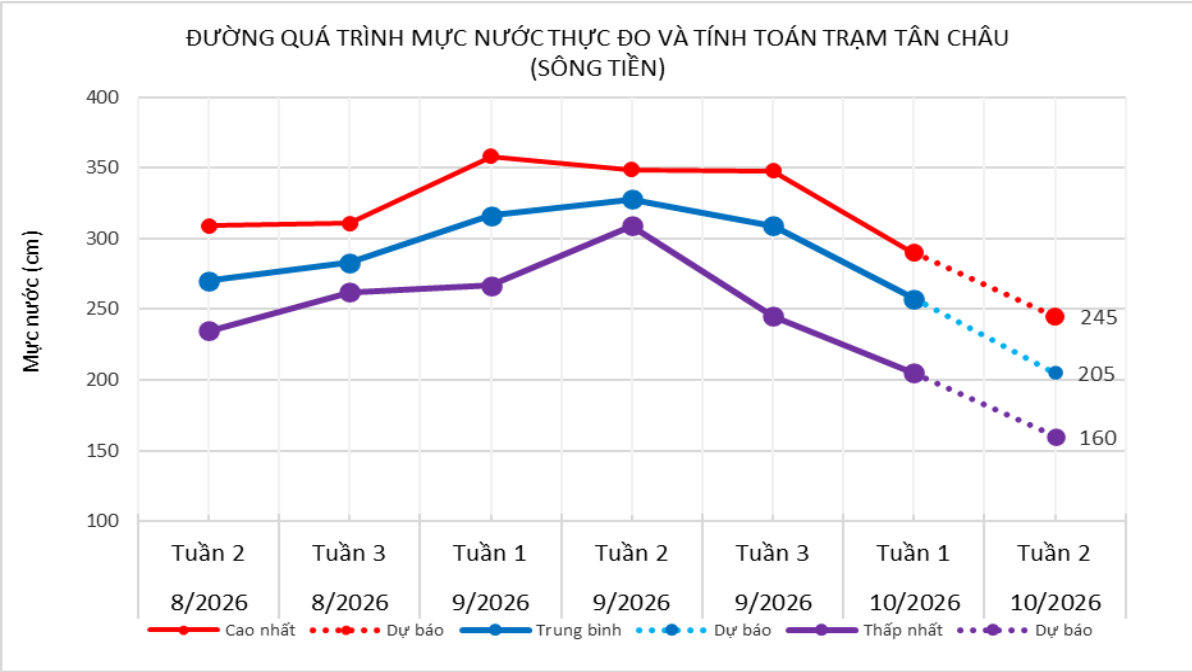
- Sông Cửu Long: Trong 10 ngày qua, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế xuống dần. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 2,90m (ngày 10/10), trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 2,86 (ngày 11/10).

### ***b. Dự báo, cảnh báo***

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Trong 5 ngày tới, mực nước trên các sông phổ biến dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện; mực nước sông Krông Ana biến đổi chậm theo xu thế xuống dần.

- Sông Cửu Long: Trong 10 ngày tới, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế xuống dần. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 2,45m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 2,45m. Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước sông Cửu Long sẽ dao động theo triều.





**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 21/10/2026**

**Tin phát lúc: 15h00**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**

**Nguyễn Thị Như Quỳnh**

**Phụ lục**  
**Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm**  
*Đơn vị:  $Q$  ( $m^3/s$ ),  $H$  (cm)*

| Sông      | Trạm            | Thực đo    |          |           | Dự báo     |          |           |
|-----------|-----------------|------------|----------|-----------|------------|----------|-----------|
|           |                 | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất |
| Sông Đà   | Hòa Bình (Q)    | 1031       | 2702     | 40        | 950        | 2600     | 40        |
| Thao      | Yên Bái         | 2408       | 2420     | 2400      | 2410       | 2500     | 2370      |
| Thao      | Phú Thọ         | 1120       | 1144     | 1109      | 1100       | 1170     | 1070      |
| Lô        | Tuyên Quang     | 1245       | 1330     | 1180      | 1280       | 1360     | 1200      |
| Lô        | Vụ Quang        | 446        | 468      | 437       | 455        | 505      | 430       |
| Cầu       | Đáp Cầu         | 78         | 124      | 35        | 85         | 140      | 30        |
| Thương    | Phủ Lạng Thương | 65         | 125      | 9         | 70         | 140      | 5         |
| Lục Nam   | Lục Nam         | 62         | 131      | -7        | 65         | 145      | -5        |
| Hồng      | Hà Nội          | 110        | 157      | 57        | 110        | 230      | 60        |
| Thái Bình | Phả Lại         | 69         | 132      | -2        | 75         | 145      | 1         |
| Mã        | Giàng           | 72         | 190      | -48       | 63         | 170      | -45       |
| Cả        | Nam Đàn         | 94         | 163      | -2        | 57         | 145      | -40       |
| La        | Linh cảm        | 99         | 206      | -40       | 48         | 135      | -70       |
| Giang     | Mai Hóa         | 52         | 152      | -41       | 45         | 142      | -50       |
| Hương     | Kim Long        | 71         | 102      | 45        | 60         | 85       | 40        |
| Thu Bồn   | Câu Lâu         | 62         | 94       | 11        | 56         | 90       | 5         |
| Trà Khúc  | Trà Khúc        | 89         | 128      | 54        | 70         | 105      | 40        |
| Kôn       | Thanh Hòa       | 494        | 531      | 483       | 490        | 540      | 470       |
| Đà Rằng   | Phú Lâm         | 5          | 62       | -59       | 5          | 55       | -55       |
| Đăkbla    | Kon Tum         | 51583      | 51650    | 51528     | 51590      | 51660    | 51525     |
| Krông Ana | Giang Sơn       | 41820      | 41878    | 41778     | 41765      | 41800    | 41700     |
| Đồng Nai  | Tà Lài          | 11217      | 11240    | 11206     | 11205      | 11235    | 11195     |
| Bé        | Phước Hòa       | 2480       | 2582     | 2355      | 2420       | 2550     | 2300      |